TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/DS-PT
Ngày: 15-01-2024
V/v: Chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đại Long

Bà Lê Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên**.**

Ngày 15 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về "Chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2023/QĐ-PT ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 10 Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Q2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Q2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (là chồng của chị Trần Thị L); có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Q.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Q trình bày:

Ngày 30/9/2022,Tòa án nhân dân huyện T ra Bản án số 36/2022/ DS-ST về việc buộc chị Trần Thị L có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền 415.000.000đ *(Bốn trăm mười lăm triệu đồng)* và chị L phải nộp 20.600.000đ *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự.

Ngày 14/11/2022, bà có đơn yêu cầu thi hành án. Cùng ngày, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 126/QĐ-CCTHADS.

Ngày 22/11/2022, Chi cục THADS huyện T xác minh điều kiện thi hành án tại nhà bà Trần Thị L. Về tài sản: Một ngôi nhà 2 tầng, mới sửa lại năm 2020, tầng 1 có 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng ăn, 01 nhà vệ sinh khép kín, nền nhà lát gạch men 80 x 80cm; tầng 2 có 03 phòng ngủ, có 01 sân phơi, mái đổ tại chỗ, toàn bộ hệ thống cửa ra vào và cửa thông phòng, cửa sổ đều là cửa gỗ màu nâu vàng. Cầu thang tay vịn bằng gỗ, khung kính, cầu thang lát đá màu đen. Chân tường tầng 1 ốp gỗ màu vàng. Toàn bộ tài sản trên nằm trên diện tích đất là 104,9m^2 thuộc thửa đất số 988, tờ bản đồ số 40, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) CH 313621 do UBND huyện cấp ngày 14/4/2017 mang tên hộ ông Hoàng Văn D, bà Trần Thị L, tại thôn M2 (nay là thôn Q2), xã X, huyện T. Trong nhà gồm có 01 bộ bàn ghế kiểu Đài Loan, gỗ màu vàng, 01 ti vi Sam Sung 42in đã cũ, 02 giường gỗ, 01 tủ đứng 02 buồng và một số đồ dùng sinh hoạt hàng ngày.

Ngày 16/11/2022, Chi cục THADS huyện T có thông báo số 12/TB-THA đến chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D cùng hai con của anh chị là Hoàng Trang M và Hoàng Việt A về việc thỏa thuận chia tài sản chung.

Nay bà Trần Thị Q đề nghị TAND huyện T giải quyết phân chia giá trị thửa đất số 988, tờ bản đồ số 40, diện tích 109,4m^2 ở thôn Q2, xã X, huyện T và ngôi nhà 2 tầng của chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D để bà yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T thi hành khoản tiền mà chị Trần Thị L phải trả cho bà.

2. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn D không đến Tòa án làm việc, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập cho chị L, anh D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D có mặt. Chị L trình bày: các tài sản của anh D có trước khi lấy chị gồm đất và nhà ở 01 tầng mái bằng. Anh D trình bày: tài sản hiện nay của vợ chồng anh đang có là của riêng anh, phần là do bố mẹ cho, phần là do anh có được trong thời gian lao động ở nước ngoài về. Chị L chỉ có công sức đóng góp vào phần tầng 2 của ngôi nhà. Anh chỉ đồng ý chia cho chị L số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* trong khối tài sản chung của vợ chồng để chị L trả nợ cho bà Q.

Ngày 28/3/2023, TAND huyện T tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của gia đình chị Trần Thị L, anh Hoàng Văn D tại thôn Q2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa:

- Thửa đất số 988, tờ bản đồ số 40, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH 313621 do UBND huyện cấp ngày 14/4/2017 mang tên hộ ông Hoàng Văn D, bà Trần Thị L, tại thôn M2 (nay là thôn Q2), xã X, huyện T có kích thước như sau: Chiều dài phía Đông Bắc giáp thửa 989 là 26,23m; phía Tây Bắc giáp đường có chiều dài 4,57m; phía Tây Nam giáp thửa 987 có chiều dài 18,7m; phía Đông Nam có kích thước: 1,91m + 6,94m + 0,33m. Tổng diện tích 109,4m^2, trị giá 656.400.000đ *(Sáu trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)*.

- Về tài sản trên đất:

+ 01 ngôi nhà xây dựng năm 2004, thời điểm này là nhà cấp 4 một tầng mái bằng, đến năm 2019 công trình hết khấu hao được gia đình tiến hành sửa chữa thành nhà 02 tầng vẫn giữ nguyên khung cột tầng 1 chỉ trát và lăn sơn, nhà xây gạch đất nung, tường dày 110mm, kết hợp 220mm, khung cột bê tông cốt thép chịu lực, tường trát vữa xi măng, sơn các màu, tường khu vệ sinh ốp gạch men sứ, nền lát gạch Ceramic và gạch chống trơn, cầu thang bằng bê tông lát đá. Điện nước sinh hoạt đầy đủ. Thiết bị vệ sinh, bể nước hoàn chỉnh. Giá trị tài sản đã trừ khấu hao là 637.518.000đ *(Sáu trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng)*.

+ Đồ dùng sinh hoạt: 01 kệ ti vi gỗ dổi, trị giá: 2.000.000đ; 01 bộ bàn ghế gỗ pơ mu đóng kiểu Đài Loan, trị giá: 4.000.000đ; 01 ti vi, trị giá: 4.000.000đ; 01 bộ dàn Karaoke 06 loa, trị giá: 15.000.000đ; 01 sập gỗ (dài 2,55m, rộng 0,6m, dày 10cm), trị giá: 2.000.000đ; 01 bộ tranh tứ quý trị giá: 4.000.000đ. Tổng cộng là 31.000.000đ *(Ba mươi mốt triệu đồng)*.

Tổng giá trị tài sản là: 656.400.000đ + 637.518.000đ + 31.000.000đ = 1.324.918.000đ *(Một tỷ, ba trăm hai tư triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng)*.

Sau khi có kết luận định giá trên, ngày 17/5/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn D có đơn yêu cầu Hội đồng định giá lại tài sản có trên đất của vợ chồng anh (do trước đây anh khai sai năm xây dựng dẫn đến định giá sai).

Ngày 27/6/2023 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá lại và có Công văn số 01/HĐ-ĐGTS trả lời Tòa án về việc định giá lại tài sản là công trình kiến trúc trên đất của gia đình chị Trần Thị L, anh Hoàng Văn D. Theo đó, giá trị đất giữ nguyên, giá trị đồ dùng sinh hoạt giữ nguyên. Giá trị vật kiến trúc còn lại là: 498.873.000 đồng. Như vậy tổng giá trị là: 656.400.000đ + 498.873.000 + 31.000.000đ = 1.186.273.000 đồng *(Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2023/SCBSBA ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008; sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ các Điều 33, 34, 38, 39 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 208, 210, 213 và 219 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các khoản 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 271, 273 BLTTDS.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q về việc xác định và phân chia tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D.

Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D, mỗi người được một nửa giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 988, tờ bản đồ 40 tại thôn Q2, xã X, huyện T, Thanh Hóa và tài sản trên đất, tổng giá trị tài sản là: 1.186.273.000 đồng *(Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*, cụ thể: chị Trần Thị L được 593.136.500 đồng; anh Hoàng Văn D được 593.136.500 đồng.

Giao căn nhà và các tài sản trên thửa đất số số 988, tờ bản đồ số 40 tại thôn Q2, xã X, huyện T cho anh D tiếp tục quản lý, sử dụng. Anh D có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị L số tiền 593.136.500đ (Năm trăm chín mươi ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) để chị L thi hành các khoản trả nợ cho bà Trần Thị Q và án phí dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, bà Trần Thị Q kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại bản án theo hướng giao tài sản của vợ chồng anh D, chị L là quyền sử dụng đất và ngôi nhà 02 tầng trên đất cho chị L được quyền sở hữu, sử dụng, buộc chị L có trách nhiệm giao lại cho anh D số tiền bằng ½ giá trị tài sản để cơ quan thi hành án dân sự huyện T có cơ sở cưỡng chế thi hành khoản nợ cho bà hoặc chỉ phân chia tỷ lệ về giá trị của tài sản mà mỗi bên được hưởng.

Ngày 19/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKS-P9 kháng nghị đối với bản án số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Do nguyên đơn không có quyền khởi kiện, bản án dân sự sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 311 BLTTDS, hủy bản án

dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 126/2023/TLPT-DS ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Q:

Theo đơn khởi kiện, cũng như trình bày tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Q đề nghị TAND huyện T giải quyết phân chia giá trị thửa đất số 988, tờ bản đồ số 40, diện tích 109,4m^2 ở thôn Q2, xã X, huyện T và ngôi nhà 2 tầng của chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D để bà yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T thi hành khoản tiền mà chị Trần Thị L phải trả cho bà.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu của bà Q bằng vụ án chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án là không đúng quan hệ pháp luật phải giải quyết. Bởi vì bà Q chỉ có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng chị L, anh D để thi hành án, chứ không có quyền khởi kiện để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh D, chị L. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành việc định giá tài sản và chia tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn D, giao tài sản cho anh D quản lý, anh D có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch về chia tài sản cho chị L để chị L thanh toán cho bà Q số tiền phải thi hành án, buộc các đương sự phải chịu tiền án phí về chia tài sản chung của vợ chồng là giải quyết không đúng quan hệ pháp luật, gây thiệt hại cho các đương sự.

Bà Q kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng anh D, chị L cho chị L được sở hữu, sử dụng, chị L có trách nhiệm trả chênh lệch về chia tài sản cho anh D cũng không đúng quy định của pháp luật khi giải quyết yêu cầu của người khởi kiện trong vụ án. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Q.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

[3.1] Xác định sai quan hệ pháp luật:

Theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự thì vợ chồng anh D, chị L không thỏa thuận phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên người được thi hành án là bà Trần Thị Q chỉ có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của chị L trong khối tài sản chung của vợ chồng chị L, anh D để thi hành án, chứ bà Q không có quyền khởi kiện để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh D, chị L. Yêu cầu của bà Q phải được xác định là yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 9 Điều 27 BLTTDS, bản án sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của bà Q là tranh chấp về

dân sự và quan hệ pháp luật là chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án theo khoản 12 Điều 26 BLTTDS là xác định sai quan hệ pháp luật phải giải quyết.

[3.2] Về xét xử quá yêu cầu khởi kiện:

Bản án dân sự sơ thẩm thể hiện bà Q yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của chị Trần Thị L (người phải thi hành án) trong khối tài sản chung của vợ chồng để chấp hành viên làm căn cứ tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật. Do xác định sai quan hệ pháp luật, nên khi thụ lý giải quyết yêu cầu việc dân sự, Tòa án nhân dân huyện T lại thụ lý thành vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật là chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án và tiến hành thẩm định, định giá khối tài sản chung, phân chia cụ thể cho anh D, chị L được hưởng và quyết định phần án phí mỗi người phải chịu theo giá ngạch là không đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra Tòa án chỉ cần xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định chị L có ½ quyền sử dụng đất và tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng, còn xử lý khối tài sản chung để thi hành án là của cơ quan Thi hành án dân sự. Việc Tòa án tiến hành định giá, chia tài sản, buộc đương sự phải chịu chi phí định giá, án phí có giá ngạch là gây thiệt hại cho đương sự.

Như vậy, xét về yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án, xét về quan hệ pháp luật phải giải quyết là việc dân sự yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 BLTTDS, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, thụ lý, giải quyết bằng vụ án chia tài sản chung của vợ chồng để thi hành án theo khoản 12 Điều 26 BLTTDS là xác định sai quan hệ pháp luật. Ngoài ra, khi xét xử vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, mà tại Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do đó, HĐXX phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T; đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 126/2023/TLPT-DS ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Bà Trần Thị Q có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ, việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do bản án bị hủy và đình chỉ giải quyết nên bà Trần Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (DSPT). Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Bà Trần Thị Q, anh Hoàng Văn D, chị Trần Thị L không phải chịu án phí DSST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Trần Thị Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 126/2023/TLPT-DS ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí:

- Án phí DSPT: Bà Trần Thị Q không phải chịu án phí DSPT. Trả lại cho bà Trần Thị Q 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0016329 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí DSST: Bà Trần Thị Q, anh Hoàng Văn D, chị Trần Thị L không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà Trần Thị Q 15.064.000đ *(Mười lăm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014565 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến